



Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Piracetam.....400 mg
Vincamin.....20 mg
Tá dược vừa đủ.....1 viên

Tiêu chuẩn: TCCS

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**Để xa tầm tay trẻ em
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM MERACINE
Đường YP6, Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

ANBAPIREX

Piracetam 400 mg, vincamin 20 mg

RX Thuốc kê đơn

GMP-WHO

ANBAPIREX

Piracetam 400 mg, vincamin 20 mg



Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng

Composition: Each hard capsule contains:
Piracetam.....400 mg
Vincamine.....20 mg
Excipients q.s.....1 capsule

Specification: In-house

Indications, Administration, Contraindications and other information: Please read carefully the instructions in the leaflet

**KEEP OUT OF THE REACH OF CHILDREN
READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USING**

Storage: Store in a tight container, a dry place, protect from light, at temperature below 30°C

Manufacturer:
MERACINE PHARMACEUTICAL PRODUCTION AND RESEARCH JOINT STOCK COMPANY
YP6 street, Yen Phong Industrial zone, Dong Phong commune, Yen Phong district, Bac Ninh province, Vietnam

Box of 6 blisters x 10 hard capsules



ANBAPIREX

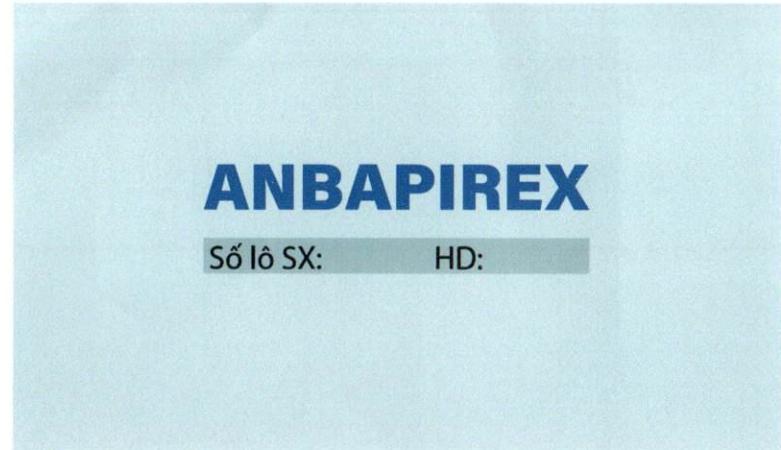
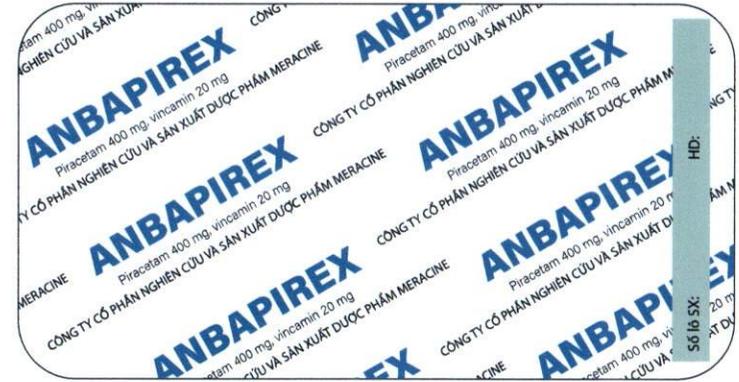
Piracetam 400 mg, vincamine 20 mg

GMP-WHO

RX Prescription

MÃ VẠCH

SPK (Reg.No.):
Số lô SX (Batch No.):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp.Date):





ANBAPIREX

Piracetam 400 mg, vincamin 20 mg

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
 Piracetam.....400 mg
 Vincamin.....20 mg
 Tá dược vừa đủ.....1 viên

Tiêu chuẩn: TCCS

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
 Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Cơ sở sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM MERACINE
 Đường YP6, Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Rx Thuốc kê đơn

GMP-WHO

ANBAPIREX

Piracetam 400 mg, vincamin 20 mg



Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

Composition: Each hard capsule contains:
 Piracetam.....400 mg
 Vincamine.....20 mg
 Excipients q. s.....1 capsule

Specification: In-house

Indications, Administration, Contraindications and other information: Please read carefully the instructions in the leaflet

Storage: Store in a tight container, a dry place, protect from light, at temperature below 30°C

Manufacturer:
 MERACINE PHARMACEUTICAL PRODUCTION AND RESEARCH JOINT STOCK COMPANY
 YP6 street, Yen Phong industrial zone, Dong Phong commune, Yen Phong district, Bac Ninh province, Vietnam

**KEEP OUT OF THE REACH OF CHILDREN
 READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USING**

Box of 3 blisters x 10 hard capsules



ANBAPIREX

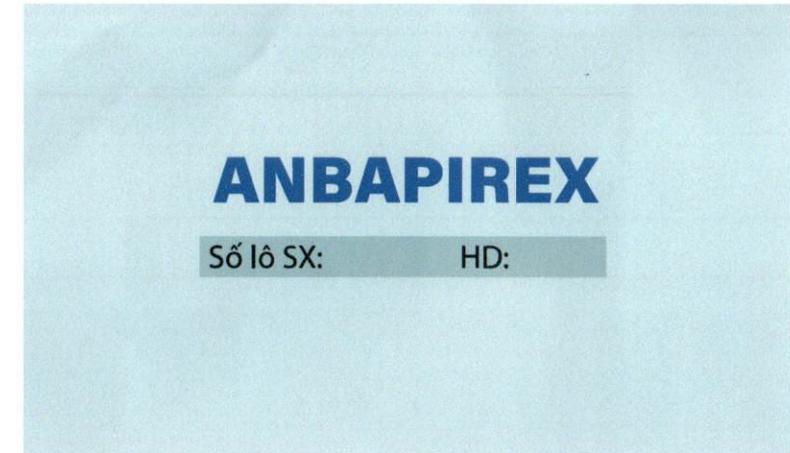
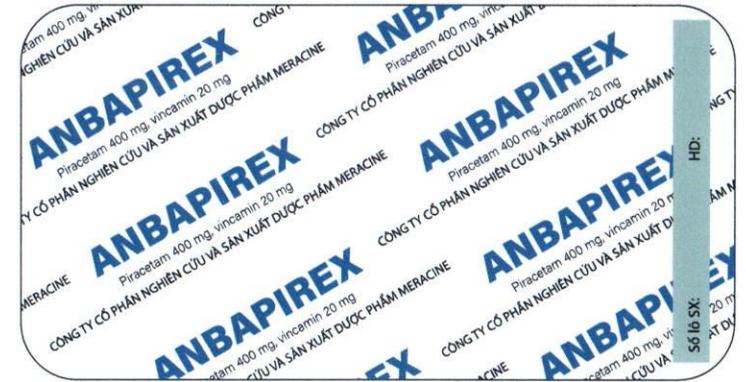
Piracetam 400 mg, vincamine 20 mg

GMP-WHO

Rx Prescription

MÃ VẠCH

SĐK (Reg.No.):
 Số lô SX (Batch No.):
 NSX (Mfg.Date):
 HD (Exp.Date):





Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

ANBAPIREX

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nang cứng chứa :

Thành phần dược chất:

Piracetam.....400 mg

Vincamin.....20 mg.

Thành phần tá dược: Povidon K30, tinh bột ngô, magnesi stearat, talc, vỏ nang cứng số 0.

2. DẠNG BÀO CHẾ

Viên nang cứng.

Mô tả: Viên nang cứng số 0, màu xanh lá – vàng, bên trong có chứa bột thuốc màu trắng.

3. CHỈ ĐỊNH

- Điều trị triệu chứng suy giảm nhận thức nhẹ liên quan đến tuổi tác.
- Điều trị triệu chứng chóng mặt.
- Điều trị nhồi máu não.
- Điều trị bổ sung để khắc phục các triệu chứng suy giảm nhận thức bệnh lý và các bệnh thần kinh mãn tính khác ở người già (trừ bệnh Alzheimer và các rối loạn tâm thần khác).

4. LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều dùng

1 viên/ lần x 3 lần/ ngày

Cách dùng

Uống sau bữa ăn

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Mẫn cảm với piracetam, vincamin hoặc bất cứ tá dược nào của thuốc.

Suy thận hoặc suy gan nặng

Tăng huyết áp nặng

Tăng áp lực nội sọ.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Giảm liều trong trường hợp suy thận, suy gan nhẹ hoặc trung bình.
- Theo dõi lâm sàng trên bệnh nhân tăng huyết áp động mạch, suy tim, bệnh động mạch vành (nhồi máu cơ tim gần đây)

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Thời kỳ mang thai:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ

Thời kỳ cho con bú:

Không có đủ dữ liệu liên quan đến sự bài tiết piracetam, vincamin vào sữa mẹ. Vì vậy, nên ngừng cho con bú trong khi điều trị bằng ANBAPIREX.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC



Không nên lái xe hoặc vận hành máy móc trong những ngày đầu dùng thuốc vì ANBAPIREX có thể gây ra ảnh hưởng mức trung bình lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

- ANBAPIREX có thể làm tăng tác dụng của thuốc hạ huyết áp và những thuốc làm giảm nhịp tim, như thuốc chẹn beta và digitalis.
- Sử dụng đồng thời piracetam và thuốc chống đông đường uống có thể làm tăng thời gian prothrombin.
- ANBAPIREX có thể làm tăng hoặc giảm tác dụng của một số thuốc chống động kinh và barbiturat.
- Không dùng chung với Bepridil, Bretylium, Erythromycin (I.V.), Quinidine.
- Không nên dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu hạ kali máu, amphotericine (I.V), corticoides, thuốc nhuận tràng kích thích; thuốc gây xoắn đỉnh (pentamidine, sparfloxacin, terfenadine).

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Các phản ứng có hại dự kiến tương tự như các phản ứng có hại do thuốc cùng nhóm điều trị gây ra

Các phản ứng bất lợi sau đây đã được báo cáo (không rõ tần suất):

- Rối loạn hệ thần kinh: Chứng mất ngủ, mất ngủ, buồn ngủ, hồi hộp, run, chóng mặt.
- Rối loạn tiêu hóa: Đau hơi, buồn nôn, đau bụng, đau dạ dày.
- Rối loạn mạch máu: Huyết áp thấp
- Rối loạn da và mô dưới da: Phát ban dạng ban đào.
- Rối loạn thận và tiết niệu: Tiểu khó

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

1. Quá liều

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Các triệu chứng có thể gặp khi quá liều thuốc: yếu cơ, hạ huyết áp rõ rệt. Đồng thời, có thể hưng phấn, lo lắng hoặc mất ngủ.

2. Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời

12. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Thuốc giãn mạch ngoại vi khác.

Mã ATC: C04AX

Cơ chế tác dụng:

- Vincamin:

Mặc dù cơ chế hoạt động của vincamin chưa được làm rõ hoàn toàn, nhưng dường như vincamin gây ra tác dụng giãn mạch bằng cách tăng lưu lượng máu và vi tuần hoàn não, từ đó cải thiện việc chuyển hóa của não.

- Piracetam:

Piracetam là một pyrrolidon (2-oxo-1-pyrrolidon-acetamid), dẫn xuất vòng của acid gamma amino-butyric (GABA), được coi là một chất hoạt hóa chuyển hóa của vỏ não, làm tăng dự trữ năng lượng tế bào thần kinh và củng cố sức đề kháng của tế bào não đối với tình trạng thiếu oxy. Cơ chế hoạt động liên quan đến việc kích hoạt dòng chảy của màng ty thể, có khả năng làm tăng tổng hợp ATP, tạo điều kiện cho các hoạt động thần kinh.

13. ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

595
TY
HÂN
LÝ PH
O AN
MAI - T

Vincamin:

Hấp thu:

Vincamin được hấp thu nhanh chóng sau khi uống.

Chuyển hóa và thải trừ:

Vincamin có thời gian bán hủy là 3 giờ.

Piracetam:

Hấp thu:

Piracetam được hấp thu tốt sau khi uống.

Chuyển hóa và thải trừ:

Piracetam có thời gian bán hủy là 6 giờ.

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 túi nhôm chứa 03 vỉ x 10 viên nang cứng, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 1 túi nhôm chứa 06 vỉ x 10 viên nang cứng, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

15. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

16. HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

17. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn cơ sở

18. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM MERACINE

Địa chỉ: Đường YP6, khu công nghiệp Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

